

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã  
9 tháng năm 2024**

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 15 tháng 10 năm 2024, tại UBND xã Tân Thái

**Thành phần gồm có:**

- |                            |                              |
|----------------------------|------------------------------|
| 1. Ông: Phạm Thanh Tùng    | - Chức vụ: Bí thư Đảng ủy xã |
| 2. Ông: Nguyễn Hải Hà      | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã  |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Lệ Quyên | - Chức vụ: Kế toán NS xã     |
| 4. Bà: Nguyễn Thị Lệ Diễm  | - Chức vụ: Cán bộ văn phòng  |

Có sự chứng kiến của:

- |                        |                                          |
|------------------------|------------------------------------------|
| 1. Ông: Hoàng Anh Ngọc | - Phó CT HĐND- Chủ tịch công đoàn        |
| 2. Bà: Lê Thị Thúy     | - Chức vụ: P. Bí thư Đảng ủy- CT HĐND xã |

**\* / Nội dung:** Lập biên bản niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2024 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2024 của UBND xã Tân Thái.

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 15/10/2024 đến hết ngày 15/11/2024.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Tân Thái, niêm yết tại nhà văn hóa 08 xóm, công khai trên hệ thống loa truyền thanh, trên trang thông tin điện tử của xã.

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

*Niem*

**Nguyễn Thị Lệ Diễm**

**TM. UBND XÃ TÂN THÁI  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hải Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN THÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 124/QĐ-UBND

Tân Thái, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2024 của UBND xã Tân Thái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÁI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách 9 tháng năm 2024 của UBND xã Tân Thái.

*(có biểu mẫu kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Tân Thái, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hải Hà**

UBND XÃ TÂN THÁI

Mẫu số 113/CK TC-  
NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2024

|  |                                        | ĐVT: 1000 đồng   |                                         |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|-----------------------------------------|-------------------|
| STT                                                                               | NỘI DUNG THU                           | DỰ TOÁN<br>NĂM   | ƯỚC THỰC<br>HIỆN 9<br>THÁNG NĂM<br>2024 | SỐ<br>SÁNH<br>(%) |
| A                                                                                 | B                                      | 1                | 2                                       | 3=2/1             |
| <b>I</b>                                                                          | <b>TỔNG SỐ THU</b>                     | <b>6.019.000</b> | <b>5.116.264</b>                        | <b>28,5</b>       |
| 1                                                                                 | Các khoản thu xã hưởng 100%            | 633.000          | 70.436                                  | 11,1              |
| 2                                                                                 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) |                  | 449.773                                 |                   |
| 3                                                                                 | Thu bổ sung                            | 5.225.000        | 4.027.840                               | 77,09             |
|                                                                                   | - Thu bổ sung cân đối                  | 4.651.000        | 3.488.250                               | 75                |
|                                                                                   | - Thu bổ sung có mục tiêu              | 574.000          | 539.590                                 | 94,1              |
| 4                                                                                 | Thu chuyển nguồn                       | 161.000          | 586.033                                 |                   |
| <b>II</b>                                                                         | <b>TỔNG SỐ CHI</b>                     | <b>6.019.000</b> | <b>4.619.357</b>                        | <b>76,7</b>       |
| 1                                                                                 | Chi đầu tư phát triển                  |                  | 43.270                                  |                   |
| 2                                                                                 | Chi thường xuyên                       | 5.728.000        | 4.576.086                               | 79,9              |
| 3                                                                                 | Dự phòng                               | 130.000          |                                         |                   |
| 4                                                                                 | Nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang        | 161.000          |                                         |                   |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2024

ĐVT: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                            | DỰ TOÁN NĂM |           | ƯỚC TH 9 THÁNG NĂM 2024 |           | SO SÁNH % |         |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|-------------------------|-----------|-----------|---------|
|     |                                                                     | THU NSNN    | THU NSX   | THU NSNN                | THU NSX   | THU NSNN  | THU NSX |
| A   | B                                                                   | 1           | 2         | 3                       | 4         | 5=3/1     | 6=4/2   |
|     | TỔNG THU                                                            | 6.976.000   | 6.019.000 | 6.019.854               | 5.134.084 | 86,29     | 85,3    |
| I   | Các khoản thu 100%                                                  | 119.000     | 119.000   | 70.436                  | 70.436    | 59,19     | 59,19   |
|     | Phí, lệ phí                                                         | 39.000      | 42.600    | 14.236                  | 14.236    | 36,5      | 36,5    |
|     | Phí môn bài                                                         |             |           |                         |           |           |         |
|     | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác                |             |           |                         |           |           |         |
|     | Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp                           |             |           |                         |           |           |         |
|     | Thu phạt tịch thu khác theo quy định                                |             | 0         |                         |           |           |         |
|     | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định |             |           |                         |           |           |         |
|     | Đóng góp của nhân dân theo quy định                                 | 0           | 0         |                         |           |           |         |
|     | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân                          |             |           | 0                       | 0         |           |         |
|     | Thu khác                                                            | 80.000      | 80.000    | 56.200                  | 56.200    | 70,25     | 70,25   |
| II  | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %                                | 1.471.000   | 514.000   | 1.335.544               | 449.773   | 90,79     | 87,5    |
| 1   | Các khoản thu phân chia                                             | 200.000     | 200.000   | 251.978                 | 251.978   | 125,99    | 125,99  |
|     | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                                  |             | 0         | 10.020                  | 10.020    |           |         |
|     | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình                   |             | 0         |                         |           |           |         |
|     | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh                      |             | 0         | 15.450                  | 15.450    |           |         |
|     | - Lệ phí trước bạ nhà đất                                           | 200.000     | 200.000   | 226.507                 | 226.507   | 113,25    | 113,25  |
| 2   | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định                   | 1.271.000   | 314.000   | 1.083.565               | 197.795   | 85,25     | 62,99   |
|     | Thuế GTGT                                                           | 314.000     | 314.000   | 206.036                 | 197.795   | 65,62     | 62,99   |
|     | Thuế TNCN từ thuế CN bất động sản                                   | 800.000     | 0         | 766.431                 | 0         | 70,76     | 0,0     |
|     | Thuế TNCN từ SXKD                                                   | 157.000     | 0         | 11.097                  | 0         | 95,8      | 0,0     |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)               |             |           |                         | 0         |           |         |
| IV  | Thu chuyển nguồn                                                    | 161.000     | 161.000   | 586.033                 | 586.033   |           |         |

|    |                                   |           |           |           |           |       |       |
|----|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------|-------|
| V  | Thu kết dư ngân sách năm trước    |           |           |           |           |       |       |
| VI | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 5.225.000 | 5.225.000 | 4.027.840 | 4.027.840 | 77,09 | 77,09 |
|    | - Thu bổ sung cân đối             | 4.651.000 | 4.651.000 | 3.488.250 | 3.488.250 | 75    | 75    |
|    | - Thu bổ sung có mục tiêu         | 574.000   | 574.000   | 539.590   | 539.590   | 94,01 | 94,01 |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2024

ĐVT: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                               | DỰ TOÁN   |      |           | ƯỚC TH 9 THÁNG NĂM 2024 |        |           | SO SÁNH % |       |       |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------|------|-----------|-------------------------|--------|-----------|-----------|-------|-------|
|     |                                                        | TỔNG SỐ   | XDCB | TX        | TỔNG SỐ                 | XDCB   | TX        | TỔNG SỐ   | XDCB  | TX    |
| A   | B                                                      | 1         | 2    | 3         | 4                       | 5      | 6         | 7=4/1     | 8=5/2 | 9=6/3 |
|     | TỔNG CHI                                               | 6.019.000 |      | 6.019.000 | 4.619.357               | 43.270 | 4.576.086 | 76,7      |       | 76,03 |
| 1   | Chi giáo dục                                           | -         |      | -         |                         |        |           |           |       |       |
| 2   | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ                    | -         |      | -         |                         |        |           |           |       |       |
| 3   | Chi y tế                                               | 59.320    |      | 59.320    | 45.468                  |        | 45.468    | 77,96     |       | 77,96 |
| 4   | Chi văn hóa thông tin                                  | 35.000    |      | 35.000    | 33.777                  |        | 33.777    | 96,51     |       | 96,51 |
| 5   | Chi phát thanh truyền hình                             | -         |      | -         |                         |        |           |           |       |       |
| 6   | Chi thể dục thể thao                                   | 25.000    |      | 25.000    | 18.738                  |        | 18.738    | 74,95     |       | 74,95 |
| 7   | Chi bảo vệ môi trường                                  | -         |      | -         | -                       |        | -         |           |       |       |
| 8   | Chi hoạt động kinh tế                                  | 35.000    |      | 35.000    | -                       |        | -         |           |       |       |
| 9   | Chi dân quân tự vệ                                     | 498.593   |      | 498.593   | 475.228                 |        | 475.228   | 95,31     |       | 95,31 |
| 10  | Chi trật tự an toàn xã xã hội                          | 369.650   |      | 369.650   | 187.874                 |        | 187.874   | 50,83     |       | 50,83 |
| 11  | Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể | 4.602.493 |      | 4.602.493 | 3.757.999               |        | 3.757.999 | 81,65     |       | 81,65 |
| 12  | Chi cho công tác xã hội                                | 83.944    |      | 83.944    | 57.000                  |        | 57.000    | 67,9      |       | 67,9  |
| 13  | Chi khác                                               |           |      |           | -                       |        | -         | 0,00      |       | 0,00  |

|    |                                 |         |  |         |   |  |  |  |  |  |
|----|---------------------------------|---------|--|---------|---|--|--|--|--|--|
|    |                                 | 20.000  |  | 20.000  |   |  |  |  |  |  |
| 14 | Dự phòng ngân sách              | 130.000 |  | 130.000 | - |  |  |  |  |  |
| 15 | Nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang | 161.000 |  | 161.000 | - |  |  |  |  |  |

**BÁO CÁO**

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
xã Tân Thái 9 tháng năm 2024**

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
- UBND xã Tân Thái thực hiện công khai ngân sách 9 tháng năm 2024 theo các nội dung sau:

**I. THU NGÂN SÁCH**

- Tổng thu NSNN trên địa bàn 9 tháng năm 2024: 6.019 triệu đồng, đạt 86,29% dự toán năm. Ngân sách xã được hưởng 5.134 triệu đồng đạt 85,3% dự toán giao.

*( Chi tiết theo biểu mẫu đính kèm)*

Các khoản thu so với tiến độ dự toán:

- Thu lệ phí, lệ phí: 14,236 triệu đồng, đạt 36,5% dự toán năm. Ngân sách xã hưởng 14,236 triệu đồng.
- Thu lệ phí trước bạ nhà đất: 226,507 triệu đồng, đạt 113,25% dự toán năm. Ngân sách xã hưởng 226,507 triệu đồng.
- Thu khác: 56,200 triệu đồng, đạt 70,25% dự toán năm. Ngân sách xã hưởng 56,200 triệu đồng.
- Thu thuế GTGT từ hoạt động SXKD: 206,036 triệu đồng 65,62% dự toán năm. Ngân sách xã hưởng 197,795 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.027 triệu đồng. NS hưởng 4.027 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn: 586,033 triệu đồng

**II. CHI NGÂN SÁCH**

Tổng chi ngân sách xã 9 tháng năm 2024: 4.619 triệu đồng đạt 76,7% dự toán năm.

*( Chi tiết theo biểu mẫu đính kèm)*

Trong đó:

1. Chi thường xuyên: 4.576 triệu đồng, đạt 76,03% dự toán đầu năm.
- Chi sự nghiệp y tế: 45,468 triệu đồng, đạt 77,96% dự toán đầu năm.
  - Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể: 3.757 triệu đồng, đạt 81,65% dự toán đầu năm.
  - Chi sự nghiệp xã hội: 57 triệu đồng, bằng 77,09% dự toán đầu năm.
  - Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội: 663,103 triệu đồng, bằng 76,37% dự toán đầu năm.
  - Thu ngân sách 9 tháng năm 2024 có nhiều cố gắng tuy nhiên còn một số chỉ tiêu vẫn đạt thấp so với dự toán đầu năm giao. UBND xã cần tập chung chỉ đạo công tác thu ngân

- Công tác chi ngân sách 9 tháng năm 2024 đã được quản lý, điều hành kế hoạch chi theo dự toán và kế hoạch được duyệt, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng ngân sách của ngành mình trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển KT-XH ở địa phương. Hàng tháng ưu tiên chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ. Kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Đảng ủy xã
- HĐND xã
- Đ/c Chủ tịch UBND xã
- Đ/c phó CTUBND xã
- Đại biểu HDND xã
- Lưu: VP

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hải Hà**